**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**MÔN: TIẾNG ANH - KHỐI 8**

**Tuần ôn tập: từ ngày 01/9/2021 đến 04/9/2021**

**Nộp bài trước: 17g ngày 03/9/2021**

**ÔN TẬP KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CHUẨN BỊ NĂM HỌC MỚI 2021-2022**

**MÔN TIẾNG ANH - KHỐI 8**

**(Thời gian học: 01/9 – 04/9/2021)**

**\*\*\***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Sau khi học xong bài, học sinh sẽ hệ thống lại các kiến thức ngữ pháp đã học.

- Học sinh ôn lại điểm ngữ pháp về Thì tương lai đơn và quá khứ đơn đã học ở khối lớp 7.

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức đã học để HS có thể làm các dạng bài tập trắc nghiệm về thì.

**II. NỘI DUNG**

**\*Ngữ pháp:**

**-** Thì tương lai đơn (The Simple Future Tense).

 - Thì quá khứ đơn (The Simple Past Tense).

**III. THỜI GIAN**: 45 phút

**IV. BÀI MỚI**

| **HƯỚNG DẪN CỦA GIÁO VIÊN** | **NỘI DUNG HỌC SINH GHI VÀO TẬP** |
| --- | --- |
| **I. Ôn tập thì tương lai đơn****1. Cấu trúc câu***a) Câu khẳng định*Cấu trúc: **S + will/shall + V-inf**Trong đó : S: chủ ngữV: động từ (V-inf: động từ nguyên thể)O: tân ngữTrợ động từ WILL có thể viết tắt là ”LL(He will = He’ll, She will = She’ll, I will = I’ll, They will = They’ll, You will = You’ll..)Eg*:– I will buy a cake tomorrow.**– My family will travel in HCM City next week.* *b. Câu phủ định* Cấu trúc: **S + will/shall + not + V-inf**Trong đó : S: chủ ngữV: động từ (V-inf: động từ nguyên thể)O: tân ngữTrợ động từ WILL+ NOT = WON’T*Eg:– I won’t come your house tomorrow.**– I promise I won’t tell this anyone**c. Câu hỏi:*Cấu trúc: **Will/Shall + S + V-inf ?**Câu trả lời: Yes, S + willNo, S + will not (won’t)Eg*:– Will you marry me? -> Yes, I will / No, I won’t**– Shall we dance?***2. Cách sử dụng**- Diễn tả một quyết định hay một ý định nhất thời nảy ra ở thời điểm nói. Có từ tín hiệu chỉ thời gian trong tương lai.*Eg: I miss my grandmother so much. I will drop by her house after working tomorrow*(Tôi rất nhớ bà tôi vì thế sau giờ làm ngày mai tôi sẽ đi thăm bà.- Diễn đạt một dự đoán không có căn cứ.*Eg: I think she won’t come and join our party.*(Tôi nghĩ cố ấy sẽ không đến tham gia bữa tiệc của chúng ta đâu.)- Đưa ra lời yêu cầu, đề nghị, lời mời*Eg: Will you go out for dinner with me?*(Bạn có thể đi ăn tối với tôi được không?)**3. Dấu hiệu nhận biết**- Trạng từ chỉ thời gian+ In + (thời gian): trong bao lâu (*in 5 minutes*: trong 5 phút)+ Tomorrow+ Next day/ next week/ next month / next year- Trong câu có những động từ chỉ quan điểm+ Think/ believe/ suppose/ …: nghĩ/ tin/ cho là+ Perhaps: có lẽ | - Học sinh đọc kĩ phần lý thuyết và ghi vào tập những cấu trúc được in đậm.**I. Thì tương lai đơn**1. Câu khẳng định**S + will/shall + V**2. Câu phủ định**S + will/shall + not + V**3. Câu hỏi**Will/Shall + S + V ?****II. Thì quá khứ đơn**\*Đối với động từ BE1. Câu khẳng định**S + was/ were +…**2. Câu phủ định**S + was/ were + not**3. Câu hỏi**Was/ Were + S +…?**\*Đối với động từ thường1. Câu khẳng định**S + V-ed +…**2. Câu phủ định**S + did not + V**3. Câu hỏi**Did + S + V?** |
| **II. Thì quá khứ đơn (The Simple Past Tense)****A. Thì quá khứ đơn với động từ “TO BE”***1. Thể khẳng định*Cấu trúc: **S + was/ were +…**Trong đó: S (subject): Chủ ngữLưu ý: S = I/ He/ She/ It/ Danh từ số ít + was S = We/ You/ They/ Danh từ số nhiều + wereVí dụ: *– I was at my uncle’s house yesterday afternoon.* (Tôi đã ở nhà bác tôi chi*They were in Hanoi on their summer vacation last month.* (Họ đã ở Hà Nội vào kỳ nghỉ hè tháng trước.)*2. Thể phủ định*Cấu trúc: **S + was/ were + not**Lưu ý: was not = wasn’t were not = weren’tVí dụ: *– He wasn’t at home last Monday*. (Anh ấy đã không ở nhà thứ Hai trước.) *We weren’t happy because our team lost*. (Chúng tôi không vui vì đội của chúng tôi đã thua.) *3. Thể nghi vấn*Câu hỏi Yes/No question Cấu trúc: **Was/ Were + S +…?**Trả lời: Yes, S + was/ were. / No, S + wasn’t/ weren’t.Ví dụ: *– Were you sad when you didn’t get good marks?*Yes, I was./ No, I wasn’t.*Was she drunk last night ?* (Họ có nghe khi anh ấy nói không?)Yes, she was./ No, she wasn’t.**Câu hỏi WH- question**Cấu trúc: **WH-word + was/ were + S (+ not) +…?**Trả lời: S + was/ were (+ not) +….Ví dụ: *What was the weather like yesterday?* (Hôm qua thời tiết như thế nào?)*Why were you sad?* (Tại sao bạn buồn?)**B. Thì quá khứ đơn với động từ thường***1. Thể khẳng định*Cấu trúc: **S + V-ed +…**Trong đó: S (Subject): Chủ ngữV-ed: Động từ chia thì quá khứ đơn (theo quy tắc hoặc bất quy tắc)Ví dụ: *– I went to the stadium yesterday to see watch the football match.* (Tôi đã tới sân vận động ngày hôm qua để xem trận đấu.)*We vistied Australia last summer.* (Chúng tôi du lịch nước Úc mùa hè trước.)*2. Thể phủ định*Cấu trúc: **S + did not + V(nguyên mẫu)**Lưu ý: did not = didn’tVí dụ: *– They didn’t accept our offer.* (Họ không đồng ý lời đề nghị của chúng tôi.)*She didn’t show me how to open the computer.* (Cô ấy không cho tôi thấy cách mở máy tính.)*3. Thể nghi vấn***Câu hỏi Yes/ No question**Cấu trúc: **Did + S + V(nguyên thể)?**Trả lời: Yes, S + did./ No, S + didn’t.Ví dụ: *– Did you bring her the package?* (Bạn đã mang gói hàng cho cô ấy phải không?)Yes, I did./ No, I didn’t.*Did Cristiano play for Manchester United?* (Có phải Cristiano từng chơi cho Manchester United không?)Yes, he did./ No, he didn’t.**Câu hỏi WH- question**Cấu trúc: **WH-word + did + S (+ not) + V(nguyên mẫu)?**Trả lời: S + V-ed +…Ví dụ: *– What did you do last Sunday?* (Bạn đã làm gì Chủ nhật trước?)**C. Cách sử dụng**Diễn tả một hành động, sự việc đã diễn ra tại một thời điểm cụ thể, hoặc một khoảng thời gian trong quá khứ và đã kết thúc hoàn toàn ở quá khứ.*Ex: The bomb exploded two months ago.* (Quả bom đã nổ hai tháng trước.)*My children came home late last night.* (Các con của tôi về nhà muộn đêm qua.)**D. Dấu hiệu nhận biết**Ta thường gặp những từ sau:- Yesterday: Hôm qua- Last night: Tối qua- Last week: Tuần trước- Last month: Tháng trước- Last year: Năm ngoái- Ago: cách đây. (two hours ago: cách đây 2 giờ, two weeks ago: cách đây 2 tuần…)at, on, in… (at 6 o’clock, on Monday, in June,…)- When + mệnh đề chia thì quá khứ đơn: khi (when I was a kid,…)Ví dụ: *Last night he slept with his parents.* (Đêm qua anh ấy ngủ với bố mẹ)*Liverpool gave away tickets to their fans last week*. (Liverpool phát miễn phí vé cho người hâm mộ tuần trước.) |  |
| **III. Bài tập**- HS làm bài tập trực tuyến theo đường link dưới phần dặn dò. |  |

**🖎DẶN DÒ:**

**- Học sinh xem kĩ phần ngữ pháp trong bài.**

**- Học sinh làm bài tập trực tuyến theo đường link** [**https://bit.ly/E8-TuanOn**](https://bit.ly/E8-TuanOn)

 **(hạn chót trước 17h ngày 03/9/2021).**

**- Các em nhớ làm bài đầy đủ. Chúc các em ôn tập tốt và giữ gìn sức khỏe.**

**\*Thông tin liên hệ của GV bộ môn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | **Lớp dạy** | **Zalo** | **Email** |
| Thầy Thành Nhân | 8/6, 8/8, 8/10 | 0399 137 903 | nhanntsgu@gmail.com  |
| Cô Liên | 8/1, 8/5, 8/11, 8/12 | 0979 702 178 | liennguyen020178@gmail.com  |
| Cô Loan | 8/2, 8/3, 8/13 | 076 711 8020 | bachthingocthanhloan@gmail.com |
| Thầy Thảo | 8/9 | 079 520 5146 | hieuthaoq8@gmail.com  |
| Cô Trang | 8/4, 8/7 | 0344 682 289 | huynhthibaotrangdsa@gmail.com  |